

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Khí cụ điện - MH1102036

Mã lớp học phần: 24311MH110203601 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 6/6/25 Giờ thi: 8h00 Phòng thi: _____

Giám thị 1: N T M Hoa Ký tên: N T M Hoa

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ân	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410030023	Phan Hứa Trọng	Ân	25/09/2006	C26DDT1	<u>Phan</u>	3,0	Ba Không	L2
2	2410030013	Đặng Hoài	Bảo	04/02/2006	C26DDT1	<u>Bảo</u>	5,0	Năm Không	
3	2410030009	Lưu Gia	Bảo	19/06/2006	C26DDT1	<u>Bảo</u>	3,0	Ba Không	
4	2410030002	Huỳnh Bá Khương	Duy	29/11/2004	C26DDT1	<u>D</u>	6,5	Sáu Năm	
5	2410030014	Lê Văn	Duy	03/06/2005	C26DDT1	<u>L</u>	4,0	Bốn Không	
6	2410030020	Nguyễn Lê Thanh	Duy	04/09/2006	C26DDT1	<u>Duy</u>	6,5	Sáu Năm	
7	2410030008	Trần Quốc	Duy	19/02/2006	C26DDT1	<u>Q</u>	5,0	Năm Không	
8	2410030018	Đỗ Thành	Đạt	07/08/2006	C26DDT1	<u>Đ</u>	6,0	Sáu Không	
9	2410030004	Trần Vũ	Hà	06/07/2006	C26DDT1	<u>H</u>	5,0	Năm Không	
10	2410030003	Lâm Vũ	Hào	26/02/2006	C26DDT1	<u>H</u>	5,0	Năm Không	
11	2410030025	Trần Chí	Hào	28/07/2005	C26DDT1	<u>Chí</u>	5,5	Năm Năm	
12	2410030015	Nguyễn Phúc Thái	Hòa	06/02/2006	C26DDT1	<u>Thái</u>	8,5	Tám Năm	
13	2410030017	Nguyễn Nhật	Huy	04/10/2006	C26DDT1	<u>N</u>	5,0	Năm Không	
14	2410030031	Trần Minh	Khoa	25/04/2006	C26DDT1	<u>K</u>	5,5	Năm Năm	
15	2410030030	Châu Tuấn	Kiệt	30/03/2006	C26DDT1	<u>T</u>	5,0	Năm Không	
16	2410030021	Nguyễn Lê Phương	Minh	24/09/2006	C26DDT1	<u>M</u>	5,0	Năm Không	
17	2410030027	Phạm Trọng	Nghĩa	07/02/2006	C26DDT1	<u>N</u>	6,5	Sáu Năm	
18	2410030029	Bùi Thịnh	Phát	03/02/2006	C26DDT1	<u>B</u>	7,0	Bảy Không	
19	2410030005	Nguyễn Tấn	Phát	19/11/2006	C26DDT1	<u>T</u>	6,0	Sáu Không	
20	2410030022	Trần Duy	Tân	15/09/2005	C26DDT1	<u>T</u>	6,0	Sáu Không	
21	2410030007	Lương Thành	Trọng	26/10/2006	C26DDT1	<u>L</u>	8,0	Tám Không	
22	2410030019	Đinh Hoàng	Vũ	13/10/2006	C26DDT1	<u>V</u>	5,5	Năm Năm	
23	2410030032	Nguyễn Lê Kha	Vỹ	16/12/2006	C26DDT1	<u>V</u>	5,0	Năm Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 0 . Số bài thi: 23 / 23 .

Ngày .. tháng .. năm ... 2025

Ngày .. tháng .. năm ... 25

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Khí cụ điện - MH1102036

Mã lớp học phần: 24311MH110203601 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 06/6/2025 Giờ thi: 8h00 Phòng thi: A110

Giám thị 1: NTN Hoa Ký tên: NTN Hoa

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410030037	Nguyễn Văn An	10/04/2005	C26DDT2				L2
2	2410030046	Vũ Xuân Bắc	20/11/2006	C26DDT2		3,5	Ba năm	
3	2410030035	Chế Hoàng Hiệp	13/05/2006	C26DDT2		6,0	Sáu không	
4	2410030045	Phạm Đức Huy	06/09/2006	C26DDT2		4,0	Bốn không	
5	2410030040	Trần Ngọc Lâm	22/06/2005	C26DDT2		3,0	Ba không	
6	2410030044	Lê Trọng Nghĩa	14/09/2006	C26DDT2		6,5	Sáu năm	
7	2410030049	Trần Quang Nghĩa	09/05/2006	C26DDT2		5,0	Năm không	
8	2410030047	Phan Trần Phước Nguyên	13/06/2006	C26DDT2				VT
9	2410030034	Huỳnh Hữu Thức	26/06/2006	C26DDT2		6,5	Sáu năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 07 vắng thi: 02 . Số bài thi: 07 / 07 .

Ngày: 06 tháng 6 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 06 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Khí cụ điện - MH1102036

Mã lớp học phần: 24311MH110203601 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 6/6/25 Giờ thi: 8h00 Phòng thi: _____

Giám thị 1: NTN Hra Ký tên: Hra

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210030014	Phạm Văn	28/07/2002	C24DDT	<u>Hra</u>	<u>7,0</u>	<u>Đầy đủ</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày: 6 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 6 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Khí cụ điện - MH1102036

Mã lớp học phần: 24311MH110203601

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 13/6/25 Giờ thi: 8h00 Phòng thi: A210

Giám thị 1: MT N Hoa Ký tên: MT N Hoa

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410030023	Phan Hứa Trọng	Ân	25/09/2006	C26DDT1	<u>10/10</u>	6,0	Sau Khỏi L2
2	2410030013	Đặng Hoài	Bảo	04/02/2006	C26DDT1	<u>Bao</u>	5,5	Năm Năm
3	2410030009	Lưu Gia	Bảo	19/06/2006	C26DDT1	<u>Bao</u>	8,0	Tam Khỏi
4	2410030002	Huỳnh Bá Khương	Duy	29/11/2004	C26DDT1	<u>D</u>	5,5	Năm Năm
5	2410030014	Lê Văn	Duy	03/06/2005	C26DDT1	<u>Lv</u>	7,0	Bảy Khỏi
6	2410030020	Nguyễn Lê Thanh	Duy	04/09/2006	C26DDT1	<u>Duy</u>	6,5	Sáu Năm
7	2410030008	Trần Quốc	Duy	19/02/2006	C26DDT1	<u>Duy</u>	7,0	Bảy Khỏi
8	2410030018	Đỗ Thành	Đạt	07/08/2006	C26DDT1	<u>Đat</u>	5,0	Năm Khỏi
9	2410030004	Trần Vũ	Hà	06/07/2006	C26DDT1	<u>Hà</u>	6,0	Sáu Khỏi
10	2410030003	Lâm Vũ	Hào	26/02/2006	C26DDT1	<u>Hao</u>	5,0	Năm Khỏi
11	2410030025	Trần Chí	Hào	28/07/2005	C26DDT1	<u>Ch</u>	5,0	Năm Khỏi
12	2410030015	Nguyễn Phúc Thái	Hòa	06/02/2006	C26DDT1	<u>HT</u>	8,5	Tam Năm
13	2410030017	Nguyễn Nhật	Huy	04/10/2006	C26DDT1	<u>ay</u>	6,5	Sáu Năm
14	2410030031	Trần Minh	Khoa	25/04/2006	C26DDT1	<u>Khoa</u>	5,5	Năm Năm
15	2410030030	Châu Tuấn	Kiệt	30/03/2006	C26DDT1	<u>Kt</u>	5,5	Năm Năm
16	2410030021	Nguyễn Lê Phương	Minh	24/09/2006	C26DDT1	<u>Minh</u>	6,0	Sáu Khỏi
17	2410030027	Phạm Trọng	Nghĩa	07/02/2006	C26DDT1	<u>Ngh</u>	5,0	Năm Khỏi
18	2410030029	Bùi Thịnh	Phát	03/02/2006	C26DDT1	<u>B</u>	6,0	Sáu Khỏi
19	2410030005	Nguyễn Tấn	Phát	19/11/2006	C26DDT1	<u>Phat</u>	4,5	Bốn Năm
20	2410030022	Trần Duy	Tân	15/09/2005	C26DDT1	<u>T</u>	5,5	Năm Năm
21	2410030007	Lương Thành	Trọng	26/10/2006	C26DDT1	<u>L</u>	6,5	Sáu Năm
22	2410030019	Đinh Hoàng	Vũ	13/10/2006	C26DDT1	<u>VH</u>	6,5	Sáu Năm
23	2410030032	Nguyễn Lê Kha	Vỹ	16/12/2006	C26DDT1	<u>Vy</u>	6,0	Sáu Khỏi

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 23 vắng thi: 0 Số bài thi: 23 / 23

Ngày: 13 tháng 6 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 13 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. NG T Nguyệt Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Khí cụ điện - MH1102036

Mã lớp học phần: 24311MH110203601

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 13/6/25 Giờ thi: 8h00 Phòng thi: A06A110

Giám thị 1: NTN Hoa Ký tên: 

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410030037	Nguyễn Văn An	10/04/2005	C26DDT2				L2
2	2410030046	Vũ Xuân Bắc	20/11/2006	C26DDT2		6,0	Sau Không	
3	2410030035	Chê Hoàng Hiệp	13/05/2006	C26DDT2		7,5	Bảy Năm	
4	2410030045	Phạm Đức Huy	06/09/2006	C26DDT2		5,5	Năm Năm	
5	2410030040	Trần Ngọc Lâm	22/06/2005	C26DDT2		6,5	Sáu Năm	
6	2410030044	Lê Trọng Nghĩa	14/09/2006	C26DDT2		5,5	Năm Năm	
7	2410030049	Trần Quang Nghĩa	09/05/2006	C26DDT2		7,5	Bảy Năm	
8	2410030047	Phan Trần Phước Nguyên	13/06/2006	C26DDT2				VT
9	2410030034	Huỳnh Hữu Thức	26/06/2006	C26DDT2		5,0	Năm Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 07 vắng thi: 02 . Số bài thi: 07 / 07 .

Ngày 13 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 13 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Khí cụ điện - MH1102036

Mã lớp học phần: 24311MH110203601 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Ngày thi: 13/6/25 Giờ thi: 8h00 Phòng thi: _____

Giám thị 1: NTN Hoa Ký tên: NTN Hoa

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210030014	Phạm Văn Vĩ	28/07/2002	C24DDT	<u>NTN Hoa</u>	5,5	Năm Năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 02 .

Ngày: 13 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Dũng

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 13 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

NTN Hoa

ThS NTN Hoa

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Khí cụ điện - MH1102036

Giám thị 1: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24311MH110203601

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Phạm Văn Dũng

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 18/07/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: Xưởng điện cơ bản

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410030025	Trần Chí Hào	28/07/2005			4,5	Bốn Năm	C26DDT1	
2	2410030015	Nguyễn Phúc Thái Hòa	06/02/2006			1,0	Bảy Không	C26DDT1	
3	2410030017	Nguyễn Nhật Huy	04/10/2006					C26DDT1	
4	2410030031	Trần Minh Khoa	25/04/2006			6,0	Sáu Không	C26DDT1	
5	2410030030	Châu Tuấn Kiệt	30/03/2006			5,0	Năm Không	C26DDT1	
6	2410030021	Nguyễn Lê Phương Minh	24/09/2006			5,5	Năm Năm	C26DDT1	
7	2410030027	Phạm Trọng Nghĩa	07/02/2006			4,5	Bốn Năm	C26DDT1	
8	2410030029	Bùi Thịnh Phát	03/02/2006			4,0	Bốn Không	C26DDT1	
9	2410030005	Nguyễn Tấn Phát	19/11/2006			4,0	Bốn Không	C26DDT1	
10	2410030022	Trần Duy Tân	15/09/2005			0,5	Không Năm	C26DDT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 09 vắng thi: _____ Số bài thi/Số tờ: _____/_____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 18 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 18 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Khí cụ điện - MH1102036

Mã lớp học phần: 24311MH110203601 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ngày thi: 18/07/2025 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: Xưởng điện cơ bản

Giám thị 1: N.T.N. Hoa Ký tên:

Giám thị 2: P.V. Dũng Ký tên:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410030046	Vũ Xuân Bắc	20/11/2006			7,0	Bảy không	C26DDT2	
2	2410030035	Chế Hoàng Hiệp	13/05/2006			0,5	Không Nam	C26DDT2	
3	2410030045	Phạm Đức Huy	06/09/2006			5,0	Năm không	C26DDT2	
4	2410030040	Trần Ngọc Lâm	22/06/2005			5,5	Năm Nam	C26DDT2	
5	2410030044	Lê Trọng Nghĩa	14/09/2006			7,5	Bảy năm	C26DDT2	
6	2410030049	Trần Quang Nghĩa	09/05/2006			5,0	Năm không	C26DDT2	
7	2410030034	Huỳnh Hữu Thức	26/06/2006			7,0	Bảy không	C26DDT2	
8	2410030007	Lương Thành Trọng	26/10/2006			7,0	Bảy không	C26DDT1	
9	2210030014	Phạm Văn Vĩ	28/07/2002			7,0	Bảy không	C24DDT	
10	2410030019	Đinh Hoàng Vũ	13/10/2006			4,0	Bốn không	C26DDT1	
11	2410030032	Nguyễn Lê Kha Vỹ	16/12/2006			4,0	Bốn không	C26DDT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 11 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 11 / 11

Số sinh viên đạt: 10 Tỷ lệ đạt: 96 %

Ngày: 18 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 18 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Hoa



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Khí cụ điện - MH1102036

Mã lớp học phần: 24311MH110203601 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ngày thi: 18/07/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: Xưởng điện cơ bản

Giám thị 1: NTN Hoa Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: P.V. Duy Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410030023	Phan Hứa Trọng Ân	25/09/2006	<u>[Signature]</u>	<u>1</u>	0	Không	C26DDT1	<u>VT</u>
2	2410030013	Đặng Hoài Bảo	04/02/2006	<u>Bao</u>		6,0	Sau không	C26DDT1	
3	2410030009	Lưu Gia Bảo	19/06/2006	<u>Bao</u>		0,5	Không Nam	C26DDT1	
4	2410030002	Huỳnh Bá Khương Duy	29/11/2004	<u>D</u>		0,5	Không Nam	C26DDT1	
5	2410030014	Lê Văn Duy	03/06/2005	<u>tu</u>		6,0	Sau không	C26DDT1	
6	2410030020	Nguyễn Lê Thanh Duy	04/09/2006	<u>Duy</u>		0,5	Không Nam	C26DDT1	
7	2410030008	Trần Quốc Duy	19/02/2006	<u>Duy</u>		5,5	Nam Nam	C26DDT1	
8	2410030018	Đỗ Thành Đạt	07/08/2006	<u>Đạt</u>		6,5	Sau Nam	C26DDT1	
9	2410030004	Trần Vũ Hà	06/07/2006	<u>Hà</u>		5,5	Nam Nam	C26DDT1	
10	2410030003	Lâm Vũ Hào	26/02/2006	<u>Hao</u>		4,0	Bao không	C26DDT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 09 vắng thi: 01 Số bài thi/Số tờ: 09 / 05
Số sinh viên đạt: 06 Tỷ lệ đạt: 60 %

Ngày: 18 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 18 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
ThS Nguyễn Thị Nguyệt Hoa